

GIẢI PHÁP NÂNG CAO MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Trọng Nhân*, Phan Thị Dang*, Lê Thị Tố Quyên*

TÓM TẮT

Mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi có liên quan với nghề nghiệp chính trước đây; loại nhà ở; đối tượng sống cùng; điều kiện vệ sinh; phương tiện giải trí; phương tiện đi lại; nguồn sống hiện tại; tình trạng sức khỏe; mức độ thực hiện các hoạt động giải trí, hưởng thụ văn hóa và rèn luyện sức khỏe hàng ngày; loại hộ gia đình của họ. Có bốn yếu tố ảnh hưởng đến mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi theo thứ tự tác động giảm dần là: “sự quan tâm, chăm sóc của con cháu và uy tín của người cao tuổi”, “khả năng kinh tế gia đình và mạng lưới giao thông đường bộ”, “sự độc lập của người cao tuổi và mạng lưới cung cấp điện”, “hoạt động xã hội của người cao tuổi”.

Từ khóa: nhu cầu, người cao tuổi, nhu cầu của người cao tuổi, tỉnh Bến Tre.

ABSTRACT

The meeting level of the elderly's needs have statistical significance differences from their previous main occupations; housing types; relatives living in the same house; sanitary conditions; recreational facilities; vehicles; current source of life; health status; the level of implementation of recreational activities, cultural enjoyment and daily exercise; household type. Four factors decreasingly affect needs meeting level of the elderly are the “interest, caring of descendants, and elderly people's prestige”, “ability of family economy and road transportation network”, “elderly people's independence and electric supply network”, “elderly people's social activities”, respectively.

Keywords: need, elderly people, needs of the elderly people, Ben Tre Province.

1. Đặt vấn đề

Do tỷ suất sinh và tỷ suất chết giảm cùng với tuổi thọ gia tăng làm cho người cao tuổi đang tăng lên nhanh chóng cả về số lượng và tỷ lệ so với tổng số dân. Người cao tuổi chiếm tỷ lệ cao trong dân số thể hiện thành tựu phát triển kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội,...

của một quốc gia. Tuy nhiên, nó cũng gây ra những thách thức về kinh tế, văn hóa, xã hội,... của cá nhân, gia đình và toàn xã hội. Do đó, vấn đề này không thể không được quan tâm (Nguyễn Phương Lan, 2001; UNFPA, 2011).

Người cao tuổi là một trong những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong xã hội vì sẽ phải đối mặt với nhiều vấn đề tiềm ẩn như nghèo đói, bệnh tật, cô đơn, sinh hoạt hàng ngày khó khăn, phân biệt đối xử,... (Phạm

* Thạc sĩ, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

Thắng và Đỗ Thị Khánh Hỷ, 2009). Trong khi đó, đây lại là thế hệ đã từng đóng góp sức lực, trí tuệ cho sự phát triển của đất nước; người có công sinh thành, nuôi dưỡng và giáo dục con cháu về nhân cách; người giữ gìn và truyền bá văn hóa dân tộc; khi về già họ vẫn tham gia lao động và cung cấp nhiều kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm về kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ và nghề truyền thống cho thế hệ trẻ,... Vì vậy, chăm lo cho người già không chỉ thể hiện cách đối xử đôn ơn đáp nghĩa mà còn tận dụng và khuyến khích tiềm năng của người cao tuổi.

UNFPA (2012) cho rằng, vấn đề đáp ứng chính sách liên quan đến người cao tuổi phải được đặt ở vị trí trung tâm trong quá trình xây dựng chặng đường phát triển của các quốc gia sau năm 2015. Trong một thế giới đang già hóa nhanh chóng, rất cần chú trọng xây dựng các mục tiêu phát triển cụ thể liên quan đến dân số cao tuổi, là vấn đề chưa được đề cập tới trong các mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. Để có chính sách đúng đắn về người cao tuổi cần nghiên cứu sâu sắc nhu cầu của họ (Nguyễn Đình Cừ, 2007). Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2009) cũng quy định, Hội người cao tuổi có nhiệm vụ nghiên cứu nhu cầu, nguyện vọng của người cao tuổi để kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo UNFPA (2011), cần có những nghiên cứu về mức độ đáp ứng các nhu cầu của người cao tuổi để bổ sung luận cứ cho việc xây dựng các chính sách, tạo cơ hội cho người cao tuổi góp phần xây dựng xã hội và hưởng các phúc lợi xã hội. Tuy nhiên, thời gian qua, chính sách dân số của nước ta chỉ tập trung vào vấn đề giảm sinh nên các công trình nghiên cứu cũng mới chỉ tập trung vào mức sinh và kế hoạch hóa gia đình, có rất ít các công trình nghiên cứu toàn diện và sâu sắc về người cao tuổi

(Nguyễn Đình Cừ, 2007). Qua đó cho thấy, thời gian qua, người cao tuổi ít được quan tâm nghiên cứu ở Việt Nam. Bởi vậy, việc nghiên cứu người cao tuổi nói chung và nhu cầu cũng như mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi nói riêng là cần thiết.

Theo Bà Obaid¹ (2002), chúng ta cần đáp ứng được nhu cầu của người cao tuổi hiện nay và lập kế hoạch để đáp ứng nhu cầu người cao tuổi trong tương lai (trích trong UNFPA, 2011). Rõ ràng, ngay từ bây giờ chúng ta cần đẩy mạnh nghiên cứu nhu cầu của người cao tuổi để có chính sách hợp lý nhằm huy động được nguồn lực to lớn cho sự phát triển của đất nước và nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi (Nguyễn Đình Cừ, 2007). Kinh nghiệm thế giới cho thấy, cần có kế hoạch chủ động trong đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi hơn là những cách giải quyết có tính cách đối phó (Chính phủ tiểu bang New South Wales, 2011).

Người cao tuổi là vấn đề mang tính toàn cầu đã và sẽ có những ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội tất cả các quốc gia, các vùng và các địa phương. Theo UNFPA (2011), Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có số lượng người cao tuổi đứng thứ 2 cả nước chỉ sau Đồng bằng sông Hồng. Trong 13 tỉnh và thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Bến Tre là tỉnh có tỷ lệ người cao tuổi cao nhất². Nghiên cứu này được thực hiện ở tỉnh Bến Tre nhằm phân tích mối quan hệ giữa mức độ đáp ứng nhu cầu với đặc điểm nhân khẩu học của người cao tuổi; những nhân tố ảnh hưởng đến mức độ đáp ứng nhu cầu của

¹ Nguyên Giám đốc điều hành Quỹ Dân số Liên hiệp quốc

² Được xếp vào các tỉnh và thành phố có tỷ lệ người cao tuổi từ 10% trở lên

người cao tuổi. Kết quả nghiên cứu cung cấp những luận cứ quan trọng cho việc đề xuất những khuyến nghị nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, tình trạng sức khỏe và phát huy vai trò của người cao tuổi.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thu thập dữ liệu thứ cấp, chúng tôi tiến hành theo các bước như sau: (1) xác định những thông tin cần thiết đối với đề tài, (2) định vị nguồn chứa dữ liệu, (3) tiến hành thu thập, và (4) đánh giá dữ liệu. Dữ liệu thứ cấp được thu thập gồm cả định lượng và định tính, dạng thô và đã qua biên tập. Các nguồn chứa dữ liệu chủ yếu là sách, tạp chí khoa học, báo cáo, số liệu thống kê,... tồn tại dưới dạng văn bản. Phương pháp phân tích và tổng hợp được sử dụng để xử lý những dữ liệu quan trọng và tin cậy nhằm phát triển cách tiếp cận vấn đề, xây dựng khung nghiên cứu, trả lời một số câu hỏi nghiên cứu và giải thích dữ liệu sơ cấp.

Để xác định đúng nhu cầu của người cao tuổi, chúng tôi phỏng vấn 26 đáp viên. Ngưỡng này cho phép người nghiên cứu thu được thông tin đạt đến mức bão hòa. Phương pháp phỏng vấn cấu trúc được sử dụng để nắm bắt tình hình cụ thể về nhu cầu của đáp viên và kỹ thuật chọn mẫu kiểu thuận tiện được áp dụng.

Sau khi xác định các nhu cầu của người cao tuổi, phương pháp phỏng vấn bằng bảng câu hỏi được sử dụng để thu thập thông tin từ 128 đáp viên. Bảng câu hỏi được thiết kế gồm 4 phần: phần 1 là những câu hỏi liên quan đến đặc điểm nhân khẩu học của đáp viên; phần 2 là những câu hỏi liên quan đến vai trò của đáp viên; mức độ đáp ứng nhu cầu của đáp viên được thiết kế ở phần 3; phần 4 là câu hỏi mở nhằm thu thập những kiến nghị của đáp viên liên quan đến việc nâng cao mức độ đáp ứng

nhu cầu của họ.

Có nhiều đề nghị khác nhau đối với việc chọn cỡ mẫu cho nghiên cứu định lượng dưới dạng công thức cũng như theo kinh nghiệm. Về mặt kinh nghiệm, Hoyle (1995; trích dẫn bởi Li và Uysal, trong Sirakaya-Turk *et al.*, 2011) đề nghị cỡ mẫu cho một nghiên cứu tối thiểu phải từ 100 đến 200. Trên cơ sở đề xuất của các nhà nghiên cứu, mẫu nghiên cứu của chúng tôi là 128 đáp viên có độ tuổi từ 60 đến 89, trong đó 56 cụ ông và 72 cụ bà được phân theo loại hình cư trú là 80,5% ở nông thôn và 19,5% ở thành thị. Kỹ thuật chọn mẫu kiểu phát triển mầm và thuận tiện được sử dụng để lựa chọn đáp viên.

Dữ liệu từ bảng câu hỏi được mã hóa và nhập trên phần mềm SPSS for Windows 18.0. Các phương pháp phân tích dữ liệu từ phần mềm bao gồm: thống kê mô tả, kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể, phân tích phương sai một chiều, phân tích tương quan hai biến, đánh giá độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy tuyến tính đa biến.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Mối quan hệ giữa mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi tỉnh Bến Tre theo đặc điểm nhân khẩu học

Kết quả phân tích cho thấy, không có sự khác biệt về mức độ đáp ứng nhu cầu với giới tính, độ tuổi, dân tộc, loại hình cư trú, trình độ học vấn/chuyên môn, tình trạng hôn nhân, quan hệ với chủ hộ, có hoặc không có đường ô tô đến tận nhà, nguồn nước sinh hoạt, nguồn thấp sáng, số bệnh mắc phải của người cao tuổi. Tuy nhiên, mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi lại có liên quan với nghề nghiệp chính trước đây; loại nhà ở; đối tượng sống

cùng; điều kiện vệ sinh; phương tiện giải trí; phương tiện đi lại; nguồn sống hiện tại; tình trạng sức khỏe; mức độ thực hiện các hoạt động giải trí, hưởng thụ văn hóa và rèn luyện sức khỏe hàng ngày; loại hộ gia đình.

- Những người cao tuổi có nghề nghiệp chính trước đây thuộc nhóm khác (thợ máy, thợ may, chạy đò, bộ đội) có mức độ đáp ứng nhu cầu cao nhất. Những người cao tuổi thuộc các nhóm nghề còn lại như cán bộ, công chức, viên chức; nông dân; buôn bán; và công nhân có mức độ đáp ứng nhu cầu thấp hơn theo thứ tự giảm dần ($p < 0,05$).

- Những người cao tuổi sống trong những căn nhà kiên cố có mức độ đáp ứng nhu cầu cao nhất, kể đến là những người sống trong những căn nhà bán kiên cố và mức độ đáp ứng nhu cầu thấp nhất đối với những người sống trong những căn nhà đơn sơ ($p < 0,01$).

- Những người cao tuổi sống với chồng/vợ, con và cháu có mức độ đáp ứng nhu cầu cao nhất, kể đến là những người thuộc nhóm khác (tức sống với vợ và con, con và cháu, mẹ, con, con và em, em, cháu hoặc một mình), những người cao tuổi sống theo kiểu chỉ có hai vợ chồng có mức độ đáp ứng nhu cầu thấp nhất với giá trị trung bình lần lượt là 3,54, 3,23 và 2,47 ($p < 0,05$).

- Những người cao tuổi sống trong những hộ có nhà vệ sinh có mức độ đáp ứng nhu cầu cao hơn những người sống trong những hộ không có nhà vệ sinh với giá trị trung bình lần lượt là 3,54 và 3,23 ($p < 0,05$).

- Những người cao tuổi sống trong những gia đình có càng nhiều phương tiện giải trí và phương tiện đi lại thì mức độ đáp ứng nhu cầu càng cao. Trong đó, mối quan hệ giữa số phương tiện đi lại với mức độ đáp ứng nhu cầu

của người cao tuổi mạnh hơn so với số phương tiện giải trí ($p < 0,05$).

- Những người cao tuổi hiện sống bằng của cải tích lũy từ trước có mức độ đáp ứng nhu cầu cao hơn so với những người không có của cải tích lũy từ trước, giá trị trung bình lần lượt là 3,6 và 3,23. Những người cao tuổi có càng nhiều nguồn sống thì mức độ đáp ứng nhu cầu càng cao ($p < 0,05$).

- Những người cao tuổi có tình trạng sức khỏe tốt thì mức độ đáp ứng nhu cầu cao nhất, kể đến là nhóm có sức khỏe trung bình; những người cao tuổi có tình trạng sức khỏe yếu có mức độ đáp ứng nhu cầu thấp nhất ($p < 0,05$).

- Những người cao tuổi thực hiện các hoạt động giải trí (xem phim, nghe nhạc, nghe cải lương,...), hưởng thụ văn hóa (đọc sách, báo) và rèn luyện sức khỏe (tập thể dục) hàng ngày cao thì mức độ đáp ứng nhu cầu cao nhất, kể đến là nhóm thực hiện các hoạt động này ở mức trung bình; những người cao tuổi ít thực hiện các hoạt động này hàng ngày có mức độ đáp ứng nhu cầu thấp nhất ($p < 0,01$).

- Những người cao tuổi thuộc hộ gia đình giàu có mức độ đáp ứng nhu cầu cao nhất, kể đến là những người thuộc nhóm hộ gia đình khá giả. Những người cao tuổi thuộc nhóm hộ gia đình trung bình và nghèo có mức độ đáp ứng nhu cầu thấp nhất ($p < 0,01$).

3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi tỉnh Bến Tre

Để khẳng định mô hình có bao nhiêu nhân tố thật sự ảnh hưởng đến mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi và cường độ tác động của từng nhân tố, phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng. Kết quả

kiểm tra dữ liệu cho thấy, giá trị R^2 hiệu chỉnh của các nhân tố ở bảng Coefficients = 1 (bảng ở bảng tóm tắt mô hình = 0,53 (bảng 1); giá trị Sig. của kiểm định F ở bảng ANOVA = 0,000 (bảng 2); hệ số phóng đại phương sai (VIF) để phân tích hồi quy tuyến tính đa biến.

Bảng 1: Tóm tắt mô hình ($n = 128$)

R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Lỗi chuẩn của ước lượng
0,75	0,56	0,53	0,70046052

Nguồn: Phỏng vấn người cao tuổi năm 2016

Bảng 2: Phân tích phương sai ($n = 128$)

Mô hình	Tổng bình phương	Df	F	Sig.
1 Hồi quy	59,703	6	20,281	0,000
Phần dư	47,102	96		
Tổng	106,805	102		

Nguồn: Phỏng vấn người cao tuổi năm 2016

Bảng 3: Hệ số hồi quy ($n = 128$)

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Sig.	VIF
	B	Std.Error	Beta		
1 hằng số	0,06	0,07		0,355	
Nhân tố 1	0,35	0,07	0,34	0,000	1,000
Nhân tố 2	0,58	0,07	0,56	0,000	1,000
Nhân tố 3	0,09	0,07	0,09	0,183	1,000
Nhân tố 4	0,28	0,07	0,28	0,000	1,000
Nhân tố 5	0,21	0,07	0,20	0,004	1,000
Nhân tố 6	0,02	0,07	0,02	0,809	1,000

Nguồn: Phỏng vấn người cao tuổi năm 2016

Kết quả phân tích cho thấy (bảng 3), có 4 nhân tố ảnh hưởng đến mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi theo mức độ giảm dần là: nhân tố 2 (“sự quan tâm, chăm sóc của con cháu và uy tín của người cao tuổi”), nhân tố 1 (“khả năng kinh tế gia đình và mạng lưới giao thông đường bộ”), nhân tố 4 (“sự độc lập của người cao tuổi và mạng lưới cung cấp điện”)

và nhân tố 5 (“hoạt động xã hội của người cao tuổi”). Ta có phương trình hồi quy tuyến tính đa biến như sau:

$$Y = 0,06 + 0,58 F_2 + 0,35 F_1 + 0,28 F_4 + 0,21 F_5$$

Nhân tố F₂ có hệ số là 0,58 và quan hệ cùng chiều với thang đo ĐGC (đánh giá chung

mức độ thỏa mãn nhu cầu của người cao tuổi). Khi người cao tuổi đánh giá yếu tố “sự quan tâm, chăm sóc của con cháu và uy tín của họ” tăng thêm 1 điểm thì mức độ thỏa mãn nhu cầu của họ tăng thêm 0,58 điểm, tương ứng hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,58.

Nhân tố F1 có hệ số là 0,35 và quan hệ cùng chiều với thang đo ĐGC. Khi người cao tuổi đánh giá yếu tố “khả năng kinh tế gia đình và mạng lưới giao thông đường bộ” tăng thêm 1 điểm thì mức độ thỏa mãn nhu cầu của họ tăng thêm 0,35 điểm, tương ứng hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,35.

Nhân tố F4 có hệ số là 0,28 và quan hệ cùng chiều với thang đo ĐGC. Khi người cao tuổi đánh giá yếu tố “sự độc lập của họ và mạng lưới cung cấp điện” tăng thêm 1 điểm thì mức độ thỏa mãn nhu cầu của họ tăng thêm 0,28 điểm, tương ứng hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,28.

Nhân tố F5 có hệ số là 0,21 và quan hệ cùng chiều với thang đo ĐGC. Khi người cao tuổi đánh giá “hoạt động xã hội của họ” tăng thêm 1 điểm thì mức độ thỏa mãn nhu cầu của họ tăng 0,21 điểm, tương ứng hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,21.

Như vậy, tổng hệ số hồi quy chuẩn hóa của 4 nhân tố 1, 2, 4 và 5 là 1,38 (bảng 3). Do đó, nhân tố 2 đóng góp 40,58%, nhân tố 1 đóng góp 24,64%, nhân tố 4 đóng góp 20,29% và nhân tố 5 đóng góp 14,49% đối với mức độ thỏa mãn nhu cầu của người cao tuổi.

3.3. Giải pháp nâng cao mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi tỉnh Bến Tre

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu về mối quan hệ giữa mức độ đáp ứng nhu cầu với đặc điểm nhân khẩu học, các nhân tố ảnh hưởng

đến mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi tỉnh Bến Tre, một số khuyến nghị về mặt giải pháp như sau:

- Thứ nhất, đẩy mạnh phong trào khuyến học trong toàn dân; phát triển nhiều ngành nghề, loại hình đào tạo; giải quyết tốt vấn đề việc làm cho những người tốt nghiệp ra trường để thực hiện phương châm “lo cho tuổi già từ khi còn trẻ”.

- Thứ hai, tích cực vận động người dân chuyển từ loại nhà đơn sơ sang loại nhà bán kiên cố và nhà bán kiên cố sang loại nhà kiên cố khi điều kiện kinh tế gia đình cho phép bởi trong thực tế nhiều người dân vẫn sống trong những căn nhà thiếu kiên cố mặc dù rất dư dả về tài chính; đẩy mạnh hoạt động xây nhà tình nghĩa cho những gia đình có công với cách mạng, gia đình nghèo chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chịu khó làm ăn.

- Thứ ba, tiếp tục duy trì gia đình nhiều thế hệ gồm cha mẹ, con và cháu để các thành viên trong gia đình có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau về vật chất, thể chất cũng như tinh thần.

- Thứ tư, khuyến khích người dân chuyển đổi hình thức vệ sinh từ cầu cá, hầm xí sang nhà vệ sinh khép kín.

- Thứ năm, động viên người dân mua sắm các tiện nghi trong gia đình để phục vụ đủ nhu cầu đi lại và giải trí. Kêu gọi các cá nhân, tổ chức tặng phương tiện giải trí cho những gia đình nghèo.

- Thứ sáu, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để ông bà, cha mẹ có thể tích lũy của cải lúc chưa già và lúc già để phòng thân khi không còn khả năng lao động. Vận động

người dân tích cực tham gia bảo hiểm xã hội và chuẩn bị việc làm thích hợp khi tuổi già.

- Thứ bảy, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia khám sức khỏe định kỳ để phát hiện bệnh và điều trị bệnh sớm nhằm đảm bảo sức khỏe. Tiếp tục duy trì và mở rộng mô hình câu lạc bộ “Liên thế hệ tự giúp nhau”, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc lập sổ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi, chăm sóc người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nâng cao kiến thức phòng bệnh, phát hiện và biết cách tự chăm sóc các bệnh không lây nhiễm thường gặp cho người cao tuổi, chăm sóc người cao tuổi cô đơn,...

- Thứ tám, tích cực vận động người dân thực hiện các hoạt động giải trí, hưởng thụ văn hóa và rèn luyện sức khỏe hàng ngày.

- Thứ chín, tiếp tục đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo; phát triển nghề thủ công truyền thống; hướng dẫn, tập huấn người dân kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi; cho vay vốn với lãi suất ưu đãi để phát triển sản xuất đối với những hộ gia đình nghèo và cận nghèo; tổ chức tham quan những mô hình làm kinh tế giỏi.

- Thứ mười, tích cực tuyên truyền Luật người cao tuổi, vai trò và nhu cầu của người cao tuổi đến tất cả các người dân.

- Thứ mười một, tích cực cải thiện và nâng cao khả năng kinh tế gia đình; phát triển mạng lưới giao thông nông thôn đồng bộ.

- Thứ mười hai, khuyến khích người cao tuổi tiếp tục làm những công việc phù hợp với sức khỏe, năng lực của bản thân; tích lũy của cải riêng cho mình và vấn đề này nên được chuẩn bị từ khi còn trẻ. Hoàn thiện hệ thống cung cấp điện và đảm bảo mỗi gia đình đều được sử dụng điện.

- Thứ mười ba, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho người cao tuổi được tham gia tuyên truyền, vận động người dân thực hiện chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, xây dựng nông thôn mới, bài trừ các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa,... và đóng góp ý kiến xây dựng chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chương trình/dự án/đề án phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường của địa phương, đồng thời biểu dương, khen thưởng những người cao tuổi có nhiều đóng góp cho các hoạt động đó. Tiếp tục duy trì, mở rộng và tạo điều kiện thuận lợi cho người cao tuổi được tham gia câu lạc bộ “Người cao tuổi giúp người cao tuổi”.

4. Kết luận

Để nâng cao mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi cần phải hiểu mối quan hệ giữa mức độ đáp ứng nhu cầu với đặc điểm nhân khẩu học của họ; những nhân tố ảnh hưởng đến mức độ đáp ứng nhu cầu của họ.

Mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi có liên quan với nghề nghiệp chính trước đây; loại nhà ở; đối tượng sống cùng; điều kiện vệ sinh; phương tiện giải trí; phương tiện đi lại; nguồn sống hiện tại; tình trạng sức khỏe; mức độ thực hiện các hoạt động giải trí, hưởng thụ văn hóa và rèn luyện sức khỏe hàng ngày; loại hộ gia đình.

Có bốn yếu tố ảnh hưởng đến mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi theo thứ tự tác động giảm dần là: “sự quan tâm, chăm sóc của con cháu và uy tín của người cao tuổi”, “khả năng kinh tế gia đình và mạng lưới giao thông đường bộ”, “sự độc lập của người cao tuổi và mạng lưới cung cấp điện”, “hoạt động xã hội của người cao tuổi”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ tiểu bang New South Wales, *Hướng đến sách lược toàn chính phủ về người cao niên của tiểu bang New South Wales* (Bản tóm tắt hội nghị bàn tròn về người cao niên), Dịch vụ Cộng đồng và Gia đình New South Wales, 2011.
2. Nguyễn Đình Cử, *Những xu hướng biến đổi dân số ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, 2007.
3. Nguyễn Phương Lan, *Tiếp cận văn hóa người cao tuổi*, Nxb Văn hóa-Thông tin, 2001.
4. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, *Luật người cao tuổi*, 2009.
5. Sirakaya-Turk, E., Uysal, M., Hammitt, W., Vaske, J.J., *Research Methods for Leisure, Recreation and Tourism*, Cambridge University Press, 2011.
6. Phạm Thắng và Đỗ Thị Khánh Hỷ, *Báo cáo tổng quan về chính sách chăm sóc người già thích ứng với thay đổi cơ cấu tuổi tại Việt Nam*, Bộ Y tế & Quỹ Dân số Liên Hiệp quốc, 2009.
7. UNFPA, *Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách*, Quỹ Dân số Liên Hiệp quốc tại Việt Nam, 2011.
8. UNFPA, *Báo cáo tóm tắt Già hóa trong thế kỉ 21: Thành tựu và thách thức*, Quỹ Dân số Liên Hiệp quốc và Tổ chức Hỗ trợ Người cao tuổi Quốc tế, 2012.

Ngày nhận bài: 08/11/2016

Ngày gửi phản biện: 20/2/2017